



CDEVN

Art Sourced from Artificial light

Catalogue

Specification Street light Model SL7501- M150 150W

CDE VINA CO..LTD

CDE LIGHTING



LED STREET LIGHT

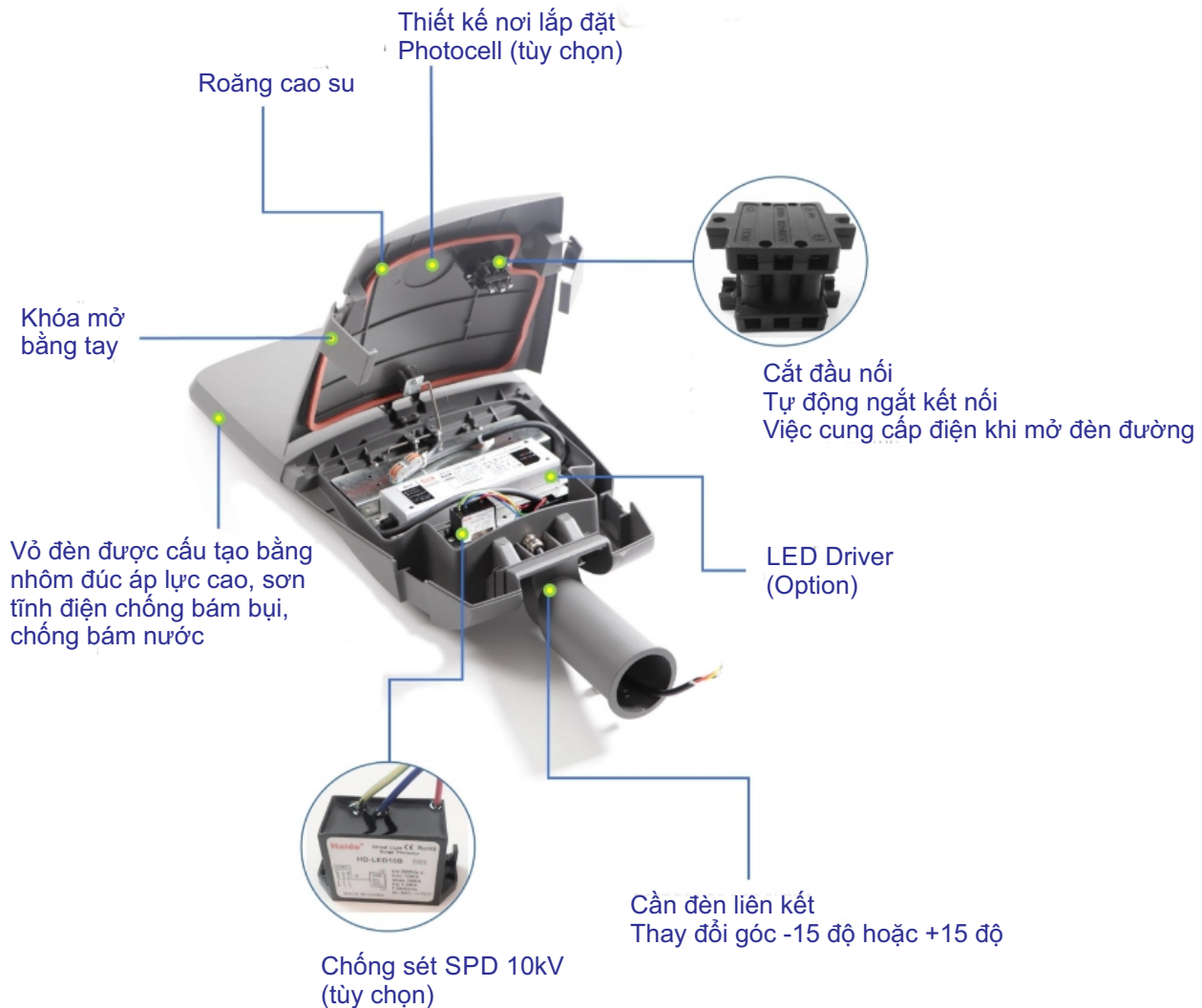
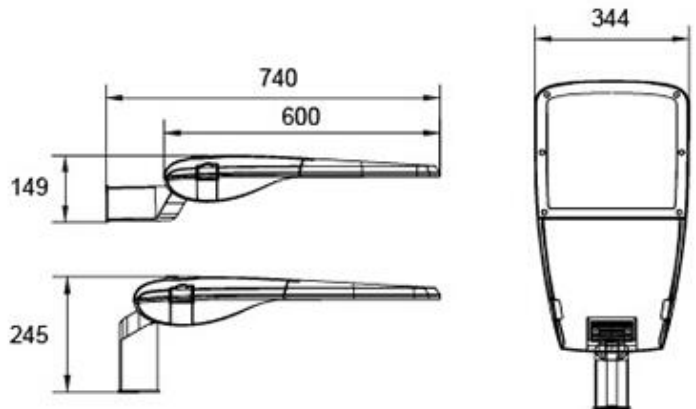
SL7501- M150



ZHONGSHAN ADAIR LIGHTING COMPANY CO.LTD

Cấu tạo bộ đèn:

Thân đèn bằng nhôm đúc áp lực cao, bề mặt sơn tĩnh điện chịu được tia UV và thời tiết khắc nghiệt, chống bám bụi, chống bám nước màu sơn chuẩn ghi xám
Phản quang được anốt hóa
Bộ phận quang học bằng thấu kính chuyên dụng
Kính đèn bằng kính cường lực



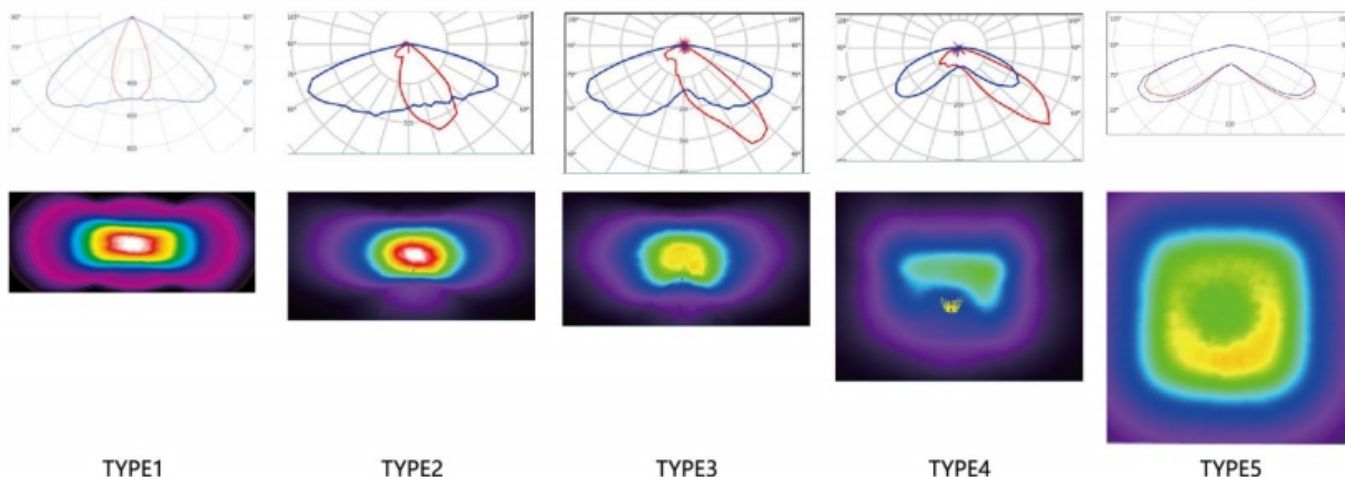
Thông số kỹ thuật của bộ đèn:

Model	SL7501-M150
Công nghệ chip Led	SMD Led modul
Driver bộ đèn	Có tích hợp bộ phận Dimming 5 cấp công suất
Cấu tạo thân đèn	Nhôm đúc áp lực cao, sơn tĩnh điện chống bám bụi
Cấu tạo ngăn linh kiện	Dễ dàng đóng mở ngăn linh kiện đèn Led bằng tay
Cấu tạo đuôi đèn	Lắp đặt cho cần đèn Ø60
Công suất	150W
Quang thông của bộ đèn	≥ 19.500 lm
Hiệu suất phát quang của bộ đèn	≥ 130 lm/w
Hệ số công suất ($\cos\phi$)	$> 95\%$ công suất định mức
Điện áp danh định	220V-240V/50-60Hz
Nhiệt độ màu	4000K
Chỉ số hoàn màu Ra	≥ 70
Thương hiệu Chips Led	Lumileds/ Cree/ Philips
Thương hiệu Driver	Philips/ Meanwell
Hệ số duy trì quang thông ở nhiệt độ 35 độ C	$\geq 70\%$
Tuổi thọ của bộ đèn	> 100.000 giờ chiếu sáng
Cấp bảo vệ phần quang và ngăn linh kiện điện (IP)	IP 66
Cấp bảo vệ chống tác động cơ học bên ngoài (IK)	IK 08
Bảo vệ chống xung điện áp (Chống sét lan truyền SPD)	10kV-10kA

Thông số kỹ thuật của bộ đèn:

Cấp cách điện	Class1
Quy trình nối đất	Có ký hiệu nối đất
Nhiệt độ môi trường xung quanh khi vận hành	$-40^{\circ}\text{C} < \text{Ta} < 50^{\circ}\text{C}$
Dải điện áp hoạt động	100-240VAC/100-277VAC
Dữ liệu của bộ đèn	File IES tương thích với đặc tính kỹ thuật điện và quang của bộ đèn
Bảo hành	5 năm
Sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn	TCVN 7722-2-3:2007; TCVN 77-1:2009; TCVN 8781:2011; TCVN 8783:2011; IEC 60598-3-2; IEC 62493; EN 5 5015: 2006, 2007; EN 61547:1995+ A1:2000; EN 61000-3-2:2006; EN 6100-3-3:2008; TCVN 10485:2015(IEC 62717:2014); TCVN 10886:2015 (IES LM79-08); TCXDVN 259:2001; TCVN 11843-2017(CIE S025:2015); QCVN 07-7-2016/BXD; TCVN 10887-2015 (IES LM80-08); TCVN 4255-2008 (IEC 60529:2001); TCVN 7590:2010 (IEC 61347 -1 :2007); TCVN 10485:2015

Kiểu phân bố ánh sáng: 120*50°, 150*65°, 150*60°, 140*30°, 148°



TYPE1

TYPE2

TYPE3

TYPE4

TYPE5

Dữ liệu IES: 150*65°

LED STREET LIGHT



Light Output Ratio:	100.0%
Luminaire Power:	149.3 W

I80 = 3.5 cd per klm.	I88 = 1.3 cd per klm.
I90 = 1.4 cd per klm.	I80/I88 = 2.606

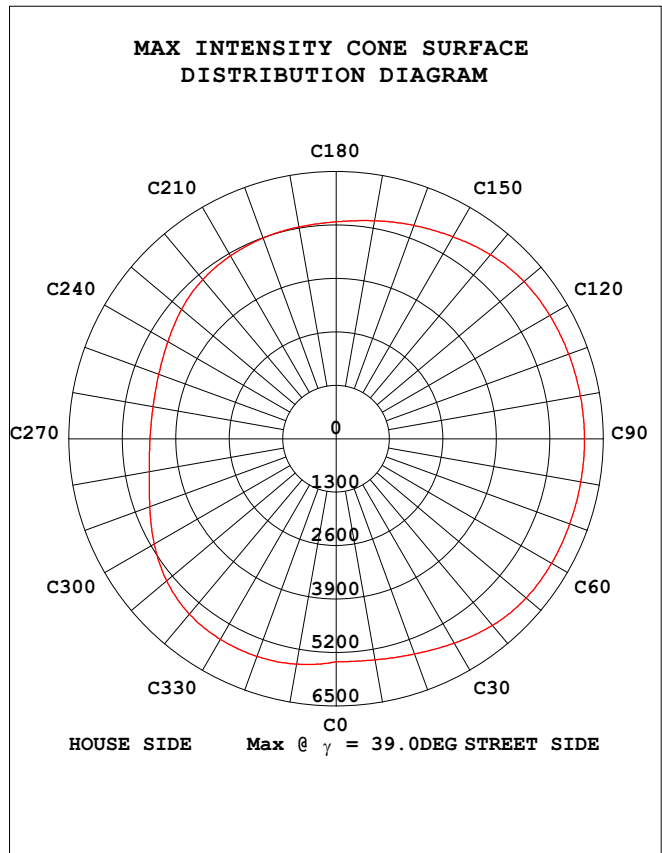
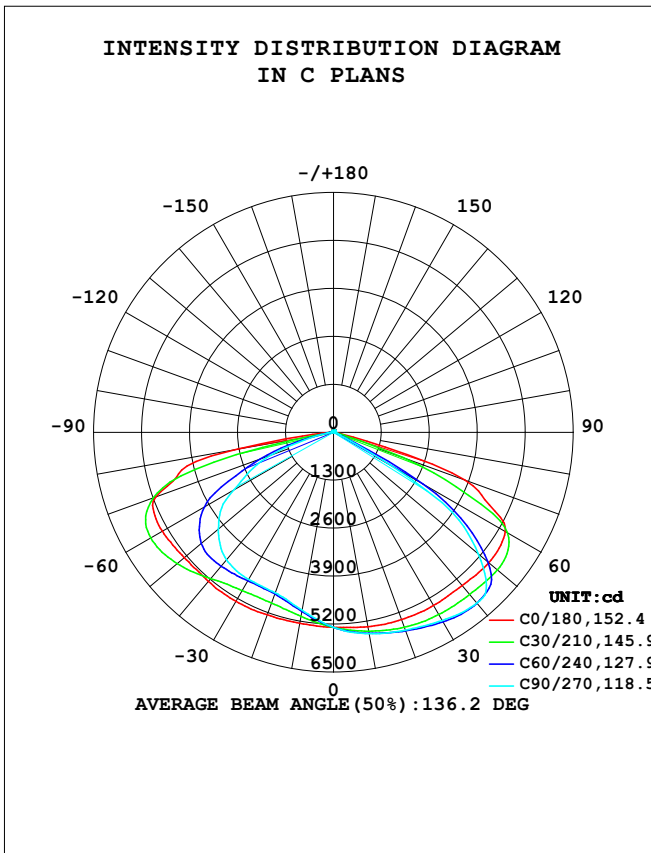
C Range: 0 - 360DEG
C Interval: 15.0DEG
Test Speed: HIGH
Temperature: 24.9DEG
Operators: /
Test Date: 2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
Test System: EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
Humidity: 72.3%
Test Distance: 12.040m [K=1.0000]
Remarks:

STREETLIGHT PHOTOMETRIC TEST REPORT

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

DATA OF LAMP		PHOTOMETRIC DATA Eff: 145.38 lm/W			
MODEL	/	I _{max} (cd)	6051	η street_up (%)	0.7
NOMINAL POWER (W)	/	LOR (%)	100.0	η street_down (%)	48.4
RATED VOLTAGE (V)	/	TOTAL FLUX (lm)	21699	η house_up (%)	0.6
NOMINAL FLUX (lm)	301.381	MAXIMUM @ (C, γ)	60,39.0	η house_down (%)	50.3
LAMPS INSIDE	72	η up (%)	1.3	76 FLASHAREA (m2)	0.00100
TEST VOLTAGE (V)	/	η down (%)	98.7	SLI	17.022

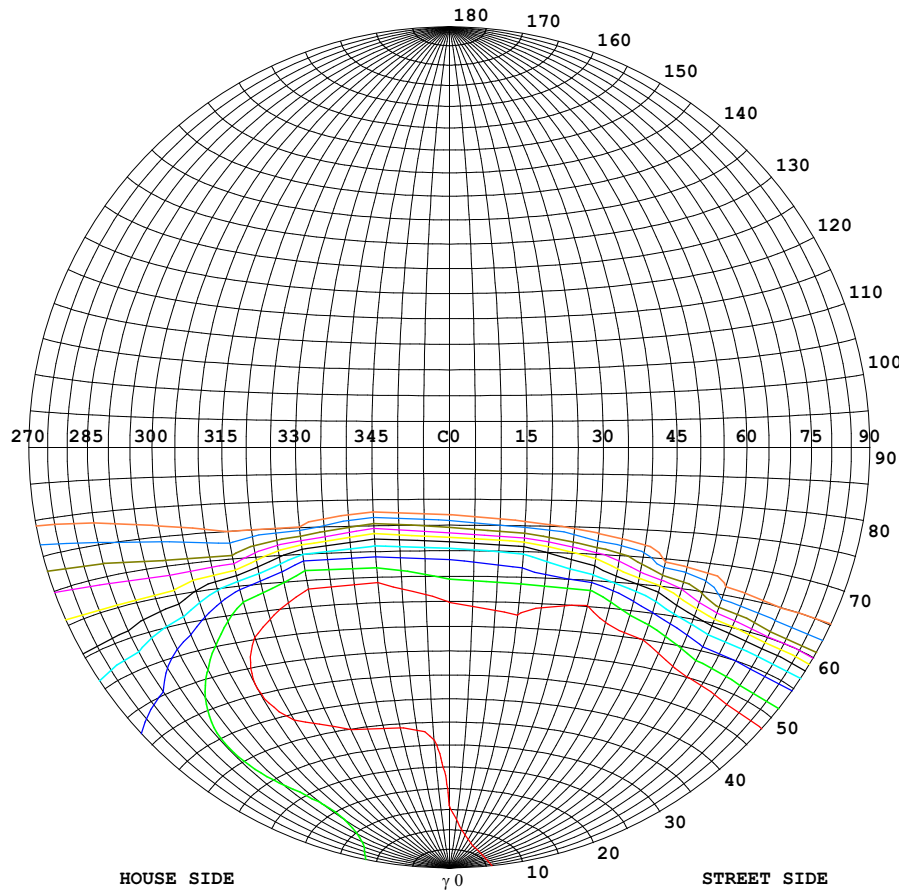


C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature: 24.9DEG
 Operators: /
 Test Date: 2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System: EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity: 72.3%
 Test Distance: 12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

STREETLIGHT ISOCANDELA DIAGRAM

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/



Classification:

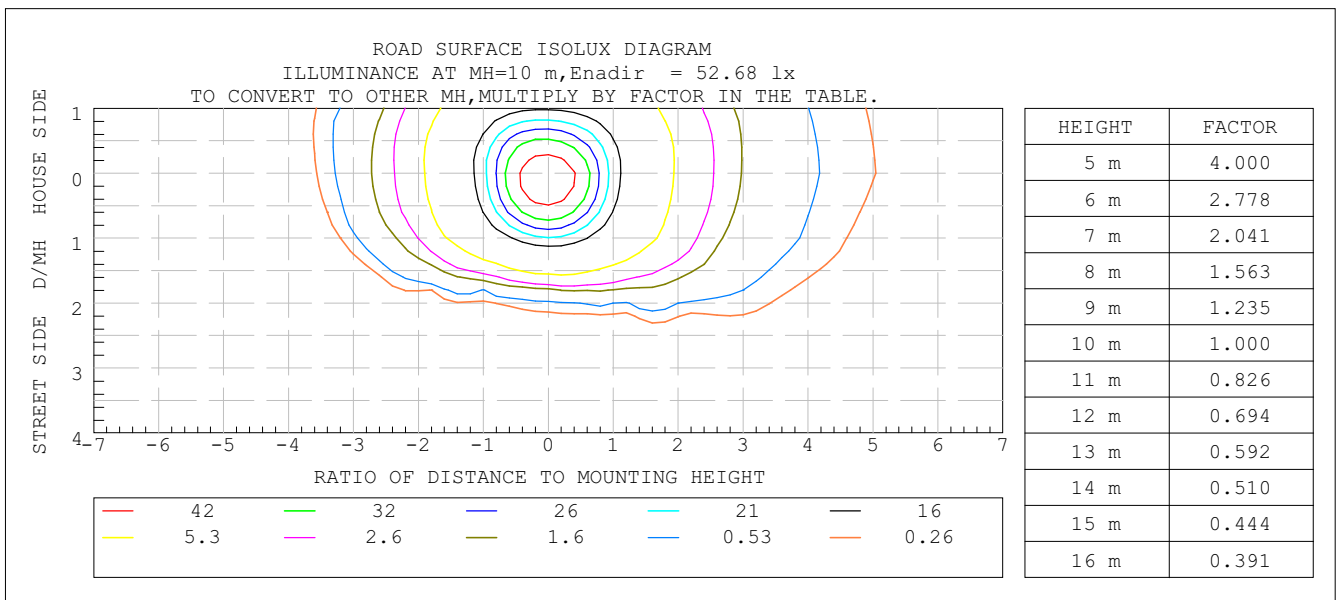
IES:Type II - Very Short
 CIE:Average - Short
 IES:Semi cut-off
 CIE:Non-cut-off
 Max. At80:126.0cd/klm
 Max. At90:2.684cd/klm
 Max. 80-90:126.0cd/klm

ISOCANDELA DIAGRAM	
UNIT	cd
Imax=100%	6051
90%	5446
80%	4841
70%	4236
60%	3631
50%	3026
40%	2421
30%	1815
20%	1210
10%	605
5%	303

C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

COEFFICIENT OF UTILIZATION CURVE
AND ISOLUX DIAGRAM



C Range: 0 - 360DEG
C Interval: 15.0DEG
Test Speed: HIGH
Temperature: 24.9DEG
Operators: /
Test Date: 2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
Test System: EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
Humidity: 72.3%
Test Distance: 12.040m [K=1.0000]
Remarks:

ZONAL FLUX DIAGRAM

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

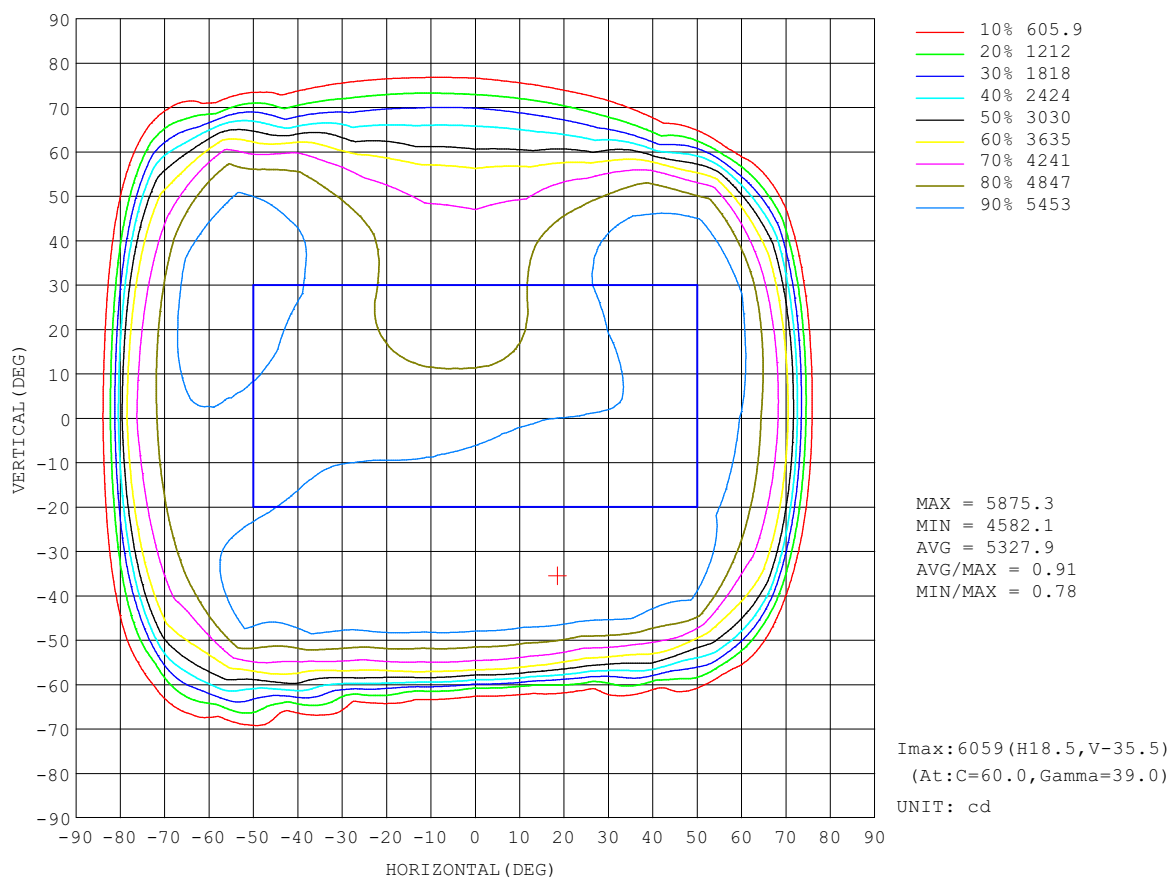
γ	C0	C45	C90	C135	C180	C225	C270	C315	γ	Φ zone	Φ total	%lum, lamp
10	5348	5508	5539	5464	5256	4987	4898	5077	0- 10	503.2	503.2	2.32,2.32
20	5398	5691	5707	5597	5265	4771	4632	5017	10- 20	1489	1992	9.18,9.18
30	5422	5861	5889	5753	5292	4784	4605	5171	20- 30	2454	4447	20.5,20.5
40	5429	5997	6044	5928	5277	5024	4510	5521	30- 40	3399	7846	36.2,36.2
50	5500	5902	5125	5952	5287	5281	4075	5677	40- 50	4210	12056	55.6,55.6
60	5382	4244	1761	5153	5360	5107	3118	5156	50- 60	4465	16521	76.1,76.1
70	3785	230.3	164.0	1781	5125	3364	1788	1438	60- 70	3405	19926	91.8,91.8
80	76.31	29.96	28.13	73.17	2734	297.0	235.0	142.1	70- 80	1347	21273	98,98
90	31.36	27.24	21.13	24.46	39.75	58.24	23.05	31.86	80- 90	135.7	21408	98.7,98.7
100	41.21	36.48	29.49	33.11	23.98	13.61	11.99	24.02	90-100	28.21	21437	98.8,98.8
110	50.40	44.58	38.08	41.57	35.12	27.44	24.58	35.85	100-110	33.83	21471	98.9,98.9
120	58.45	53.51	46.99	48.76	42.83	37.34	35.60	45.07	110-120	41.43	21512	99.1,99.1
130	61.85	60.17	53.89	53.94	49.58	44.95	44.77	53.21	120-130	44.48	21556	99.3,99.3
140	65.97	65.36	59.93	59.59	59.47	54.03	51.50	60.78	130-140	43.45	21600	99.5,99.5
150	68.82	68.81	65.02	64.55	70.21	64.53	59.57	68.28	140-150	39.40	21639	99.7,99.7
160	73.57	72.81	69.49	70.12	76.43	72.74	68.89	73.80	150-160	31.90	21671	99.9,99.9
170	78.11	75.79	72.69	74.72	78.87	76.75	74.62	76.15	160-170	21.00	21692	100,100
180	79.39	77.26	74.77	76.32	79.54	77.16	75.01	76.44	170-180	7.262	21699	100,100
DEG	LUMINOUS INTENSITY:cd									UNIT:lm		

C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

ISOCANDELA DIAGRAM

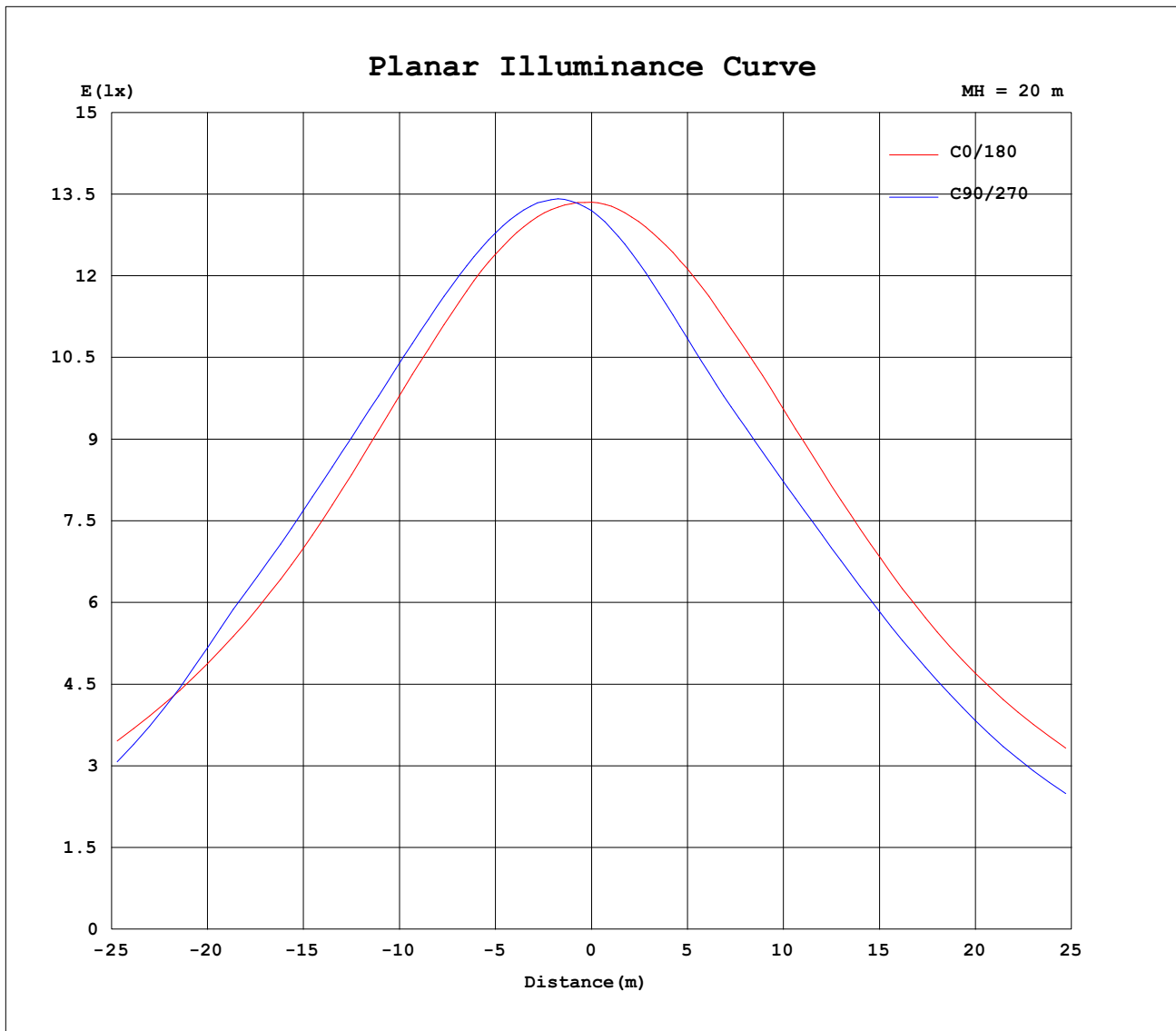
Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/



C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

Planar Illuminance Curve



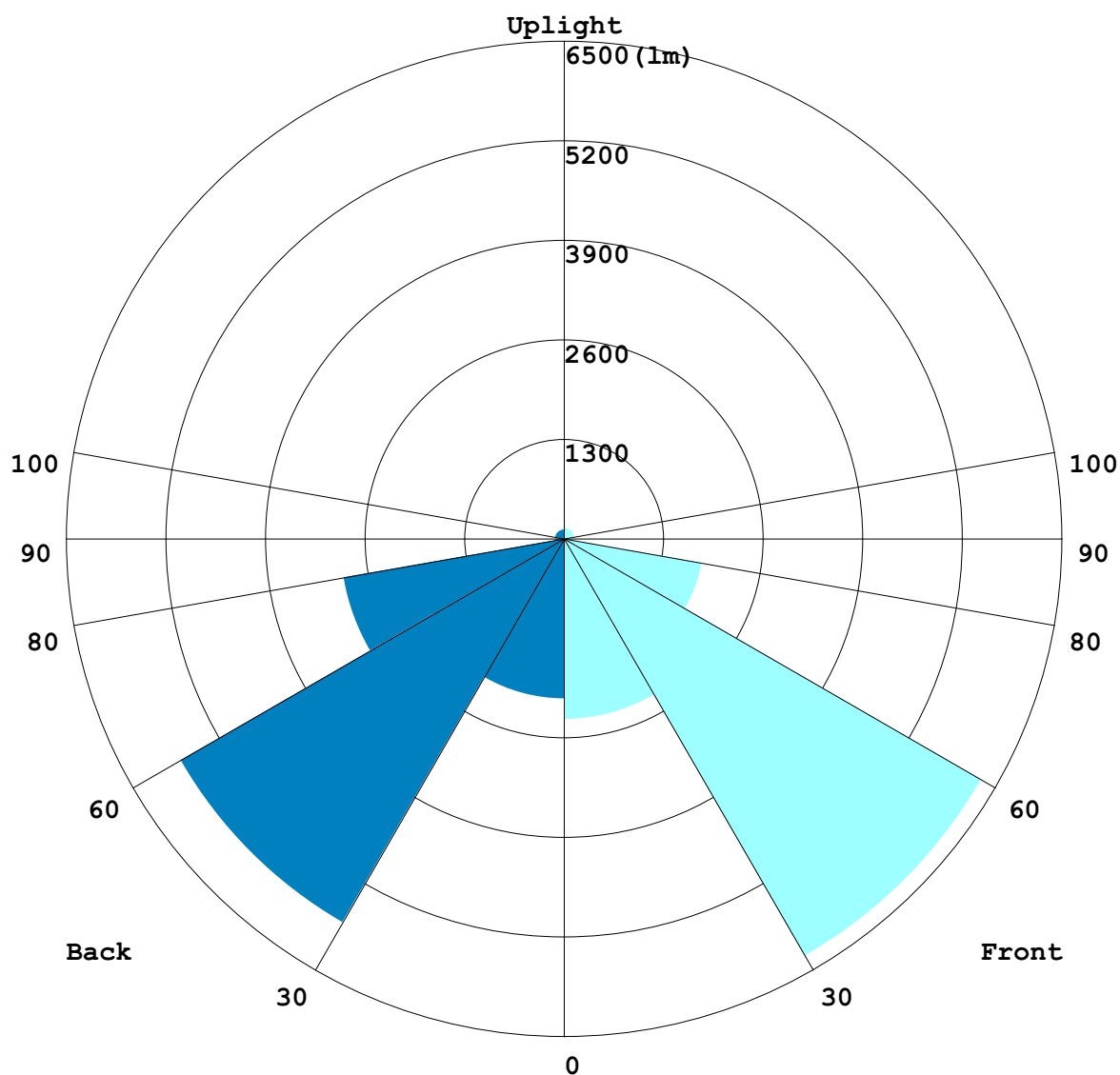
C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature: 24.9DEG
 Operators: /
 Test Date: 2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System: EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity: 72.3%
 Test Distance: 12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

LCS REPORT

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

LUMINAIRE CLASSIFICATION SYSTEM(LCS) GRAPH



C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

BUG REPORT

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

IESNA Luminaire Flux Distribution Table:

Zone	Lumens	Luminaire %
FL - Front-Low(0-30)	2357.3	10.9
FM - Front-Medium(30-60)	6289.7	29.0
FH - Front-High(60-80)	1826.8	8.4
FVH - Front-Very High(80-90)	26.692	0.1
Total Forward Light	10659	49.1

BL - Back-Low(0-30)	2089.5	9.6
BM - Back-Medium(30-60)	5785.1	26.7
BH - Back-High(60-80)	2924.5	13.5
BVH - Back-Very High(80-90)	108.98	0.5
Total Back Light	11041	50.9

UL - Uplight-Low(90-100)	28.214	0.1
UH - Uplight-High(100-180)	262.75	1.2
Total Up Light	290.96	1.3

BUG(Back,Up,Glare) Rating	B4-U3-G4
---------------------------	----------

Zone	Downward Lumens	Upward Lumens	Total Lumens
House Side	10908	132.53	11041
Street Side	10500	158.44	10659

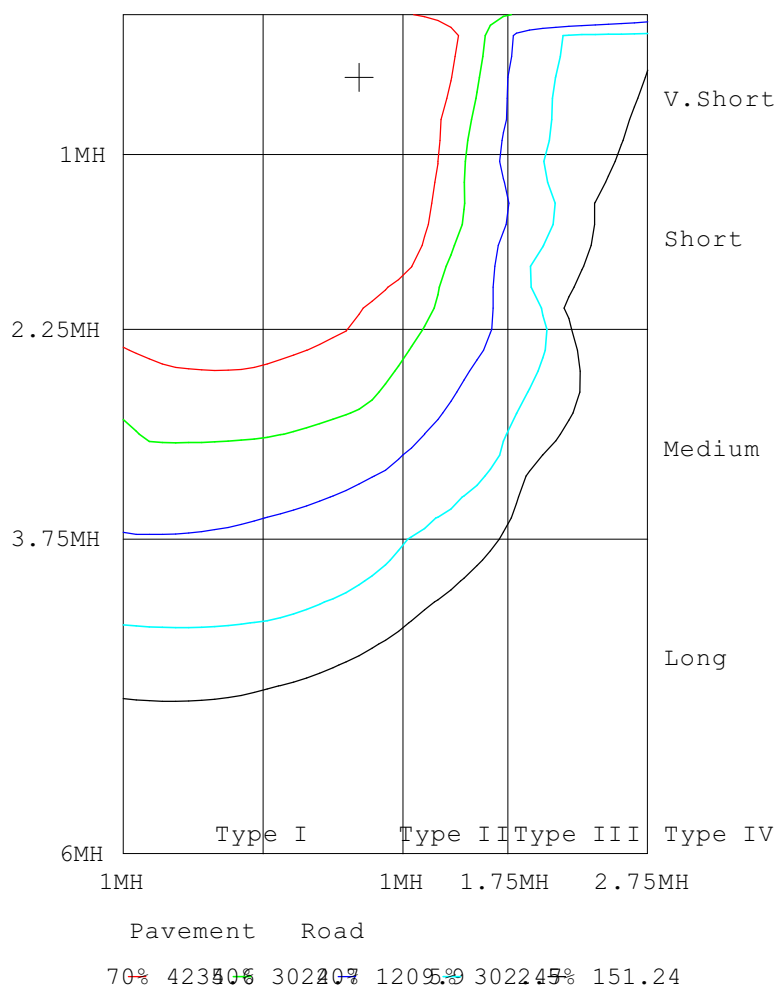
C Range: 0 - 360DEG
C Interval: 15.0DEG
Test Speed: HIGH
Temperature:24.9DEG
Operators:/
Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
Humidity:72.3%
Test Distance:12.040m [K=1.0000]
Remarks:

ROAD ISOCANDELA REPORT

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

ROAD SURFACE ISOCANDELA DIAGRAM



C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

LUMINOUS DISTRIBUTION INTENSITY DATA

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

Table--1

UNIT: cd

C (DEG) γ (DEG)	0	15	30	45	60	75	90	105	120	135	150	165	180	195	210	225	240	255	270
0	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287	5287
5	5312	5351	5384	5408	5426	5435	5435	5426	5411	5387	5352	5313	5269	5225	5181	5141	5111	5100	5097
10	5348	5422	5474	5508	5531	5542	5539	5529	5502	5464	5405	5336	5256	5161	5068	4987	4932	4901	4898
15	5384	5482	5551	5597	5626	5636	5628	5610	5574	5535	5455	5371	5258	5120	4979	4859	4771	4726	4730
20	5398	5531	5622	5691	5727	5731	5707	5684	5645	5597	5509	5405	5265	5097	4926	4771	4662	4618	4632
25	5419	5557	5674	5776	5826	5826	5790	5764	5732	5673	5567	5441	5287	5098	4916	4751	4632	4583	4605
30	5422	5562	5704	5861	5933	5929	5889	5865	5837	5753	5621	5461	5292	5111	4955	4784	4650	4585	4605
35	5416	5536	5726	5937	6023	6019	5992	5975	5941	5841	5658	5472	5294	5158	5031	4876	4693	4579	4586
40	5429	5501	5743	5997	6050	6043	6044	6034	6005	5928	5682	5452	5277	5240	5179	5024	4741	4540	4510
45	5464	5482	5773	5994	5965	5875	5862	5967	5993	5977	5709	5416	5265	5363	5365	5179	4764	4428	4344
50	5500	5480	5802	5902	5455	5141	5125	5343	5766	5952	5744	5402	5287	5525	5534	5281	4684	4211	4075
55	5479	5453	5745	5412	4418	4142	4153	4436	4961	5823	5793	5414	5327	5666	5668	5278	4441	3891	3743
60	5382	5330	5438	4244	2791	1882	1761	2624	3783	5153	5779	5432	5360	5728	5723	5107	4041	3357	3118
65	4670	4507	4045	2445	445	295	315	441	1435	3873	5536	5398	5344	5657	5625	4720	3146	2618	2517
70	3785	3426	1997	230	148	149	164	171	253	1781	4304	4889	5125	5438	5199	3364	2111	1899	1788
75	949	434	164	77.4	62.0	56.3	59.5	79.2	113	180	2289	3976	4346	4381	3878	1299	1066	933	816
80	76.3	58.7	38.3	30.0	26.6	26.5	28.1	30.1	39.9	73.2	269	1149	2734	2660	711	297	304	306	235
85	37.5	26.1	24.8	22.7	20.2	18.2	17.5	17.8	20.2	30.0	46.4	102	291	225	132	134	138	133	111
90	31.4	31.0	29.6	27.2	24.5	22.1	21.1	21.5	22.8	24.5	25.5	40.7	39.8	47.5	54.8	58.2	57.3	44.5	23.0
95	36.5	36.1	34.4	31.9	28.9	26.4	25.2	25.5	27.0	28.8	30.1	30.6	16.5	15.8	23.1	25.6	22.8	11.7	8.81
100	41.2	40.8	39.1	36.5	33.4	30.8	29.5	29.8	31.3	33.1	34.6	35.6	24.0	21.9	17.7	13.6	11.1	10.9	12.0
105	45.4	44.9	43.1	40.8	37.8	35.1	33.8	34.0	35.5	37.4	39.2	40.5	30.2	28.0	24.7	21.0	17.0	16.0	17.0
110	50.4	49.9	47.0	44.6	41.9	39.4	38.1	38.1	39.5	41.6	43.2	44.8	35.1	32.8	30.0	27.4	24.7	23.7	24.6
115	55.3	55.1	52.6	48.7	46.0	43.7	42.5	42.2	43.3	45.1	46.8	48.7	39.2	37.0	34.4	32.7	31.1	30.3	30.8
120	58.5	58.5	57.0	53.5	50.2	48.0	47.0	46.3	47.2	48.8	51.0	53.5	42.8	40.7	38.6	37.3	36.5	35.5	35.6
125	60.3	60.4	59.3	57.4	54.2	51.9	50.7	49.8	50.4	51.9	54.2	56.8	46.0	43.9	41.8	41.3	41.2	40.3	40.3
130	61.8	61.9	61.1	60.2	58.0	55.6	53.9	52.4	52.5	53.9	56.1	58.6	49.6	47.7	45.4	45.0	45.2	44.4	44.8
135	64.1	64.1	63.5	62.9	61.2	59.0	57.1	55.2	55.1	56.8	58.8	61.0	54.2	52.6	50.1	49.0	48.6	47.8	48.5
140	66.0	66.0	65.4	65.4	63.9	62.0	59.9	57.9	57.7	59.6	61.3	63.4	59.5	58.1	55.4	54.0	52.6	51.1	51.5
145	67.5	67.4	67.1	67.2	66.2	64.6	62.5	60.5	60.2	62.1	63.7	65.6	64.9	63.6	61.0	59.4	57.3	55.3	55.1
150	68.8	68.9	68.6	68.8	68.0	67.0	65.0	63.1	62.8	64.6	66.0	67.7	70.2	68.7	66.2	64.5	62.0	60.0	59.6
155	70.7	70.7	70.4	70.5	70.0	69.3	67.4	66.0	65.7	67.1	68.3	69.7	74.2	72.7	70.6	69.0	66.6	64.9	64.3
160	73.6	73.3	73.0	72.8	72.0	71.0	69.5	68.8	68.9	70.1	71.3	71.9	76.4	75.2	74.1	72.7	70.7	69.3	68.9
165	77.0	76.5	75.8	75.1	73.5	72.4	71.4	71.4	72.1	73.7	74.7	74.8	77.9	76.7	76.2	75.4	74.0	72.8	72.6
170	78.1	77.5	76.7	75.8	74.3	73.5	72.7	72.7	73.3	74.7	75.6	75.6	78.9	77.7	77.5	76.7	75.7	74.7	74.6
175	78.9	78.0	77.3	76.6	75.1	74.4	73.8	73.9	74.4	75.6	76.3	76.7	79.5	78.2	78.0	77.2	76.2	75.4	75.2
180	79.4	78.4	77.9	77.3	75.9	75.3	74.8	74.9	75.4	76.3	76.8	76.9	79.5	78.3	78.0	77.2	76.1	75.2	75.0

C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:

LUMINOUS DISTRIBUTION INTENSITY DATA

Test:U:220.0V I:0.6939A P:149.26W PF:0.9778 Freq:49.99Hz Lamp Flux:301.381x72 lm		
NAME: LED SREET LIGHT	TYPE:SL7501-M150	WEIGHT:7.1
SPEC.:150W AC220V	DIM.: 0.74*0.34*0.145	SERIAL No.:/
MFR.: ZHONGSHAN ADAIR	SUR.:0.27*0.2	Shielding Angle:/

Table--2

UNIT: cd

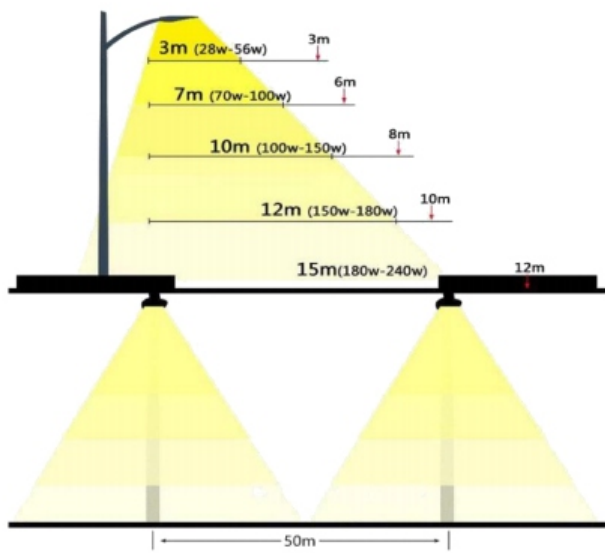
C (DEG) \ γ (DEG)	285	300	315	330	345														
0	5287	5287	5287	5287	5287														
5	5108	5131	5177	5218	5266														
10	4930	4988	5077	5175	5267														
15	4786	4888	5023	5156	5280														
20	4716	4850	5017	5162	5294														
25	4710	4881	5066	5217	5329														
30	4731	4952	5171	5322	5400														
35	4731	5049	5348	5487	5507														
40	4695	5123	5521	5667	5637														
45	4544	5112	5647	5814	5780														
50	4276	4940	5677	5906	5880														
55	3910	4575	5503	5919	5870														
60	3222	3897	5156	5773	5732														
65	2476	2610	4034	5254	5340														
70	1603	1439	1438	3628	3980														
75	655	468	299	318	1467														
80	210	180	142	116	94.3														
85	99.5	86.0	66.7	50.2	35.3														
90	26.8	35.5	31.9	22.0	19.9														
95	11.1	13.4	17.0	22.9	26.9														
100	14.2	17.8	24.0	29.7	32.4														
105	20.1	24.9	30.6	34.6	36.7														
110	27.8	31.8	35.9	38.8	40.6														
115	33.7	37.4	40.5	42.9	44.5														
120	38.5	42.2	45.1	47.0	47.9														
125	43.1	46.8	49.4	50.6	51.2														
130	47.3	50.9	53.2	54.1	55.1														
135	50.6	54.3	56.8	58.1	59.7														
140	53.1	57.4	60.8	62.5	64.4														
145	56.9	60.3	64.9	66.8	68.7														
150	60.9	64.1	68.3	70.5	72.0														
155	65.4	67.9	71.1	73.2	73.8														
160	69.6	71.4	73.8	74.9	74.8														
165	72.9	74.0	75.4	75.6	75.5														
170	74.6	75.2	76.2	75.9	75.9														
175	75.2	75.5	76.5	76.5	76.4														
180	75.0	75.3	76.4	76.7	76.8														

C Range: 0 - 360DEG
 C Interval: 15.0DEG
 Test Speed: HIGH
 Temperature:24.9DEG
 Operators:/
 Test Date:2021-08-30

γ Range: 0 - 180DEG
 γ Interval: 1.0DEG
 Test System:EVERFINE GO-2000A_V1 SYSTEM V2.0.402
 Humidity:72.3%
 Test Distance:12.040m [K=1.0000]
 Remarks:



• Sketch map of street lamp reference installation •





Thank you...

Nhà nhập khẩu: CÔNG TY TNHH CDE VINA

Trụ sở chính: K139 đường Tô Hiệu, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Văn phòng: 49 đường Trần Đăng, P Hòa Minh, Q Liên Chiểu

Điện thoại: 0236 3 508 455 Hotline: 0906457068

Website: <http://www.cdevina.vn> Email: sales@cdevina.vn

Nhà sản xuất:

ZHONGSHAN ADAIR LIGHTING COMPANY CO.LTD

Address: Tong Yi road, Tong Yi district Gu zhen Town, Zhongshan city, Guang dong Province, China